

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2019 - 2020
cho học sinh, sinh viên K14CD, K15CD và K43TC

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ hồ sơ và đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2019 - 2020 cho 36 học sinh, sinh viên K14CD, K15CD và K43TC (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền: **160.920.000đ**

(Viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng phòng CTHSSV, phòng KH-TC, khoa Điện, khoa Cơ khí, khoa KHCB, Khoa Kinh tế&QTKD, Khoa CNTT và học sinh, sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận: ✍

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KH-TC, các Khoa;
- P.Tổng hợp (Website);
- Lưu: VT, P.CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 353/QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 22 tháng 6 năm 2020)



TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đ)/tháng	Kinh phí được hỗ trợ (đ)	Ghi chú
			2	3	4	5	6	
1	CDT12021865202270003	Ma Duy Đạt	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
2	CDT12021865202270006	Triệu Văn Hải	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
3	CDT12021865202270013	Trương Văn Hoàng	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
4	CDT12021865202270014	Chu Gạ Phạ	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
5	CDT12021865202270015	Nguyễn Hữu Phúc	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
6	CDT12021865103030020	Nguyễn Văn Lượng	K14CĐ-Điện	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
7	CDT12021865103030017	Nguyễn Hoàng Phương	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
8	CDT12021865103030021	Hoàng Minh Sơn	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
9	CDT12021865103030032	Phạm Văn Duy	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
10	CDT12021965103030026	Nông Hà Duy	K15CĐ-Điện ĐT	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
11	CDT12021965103030017	Nguyễn Thành Duy	K15CĐ-Điện ĐT	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
12	CDT12021965103030002	Nguyễn Thanh Hải	K15CĐ-Điện ĐT	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
13	CDT12021965103030029	Lò Che Phạ	K15CĐ-Điện ĐT	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
14	CDT12021965103030031	Ma Quang Thật	K15CĐ-Điện	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
15	CDT12021965202270011	Hoàng Văn Thạnh	K15CĐ-ĐCN	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
16	CDT12021865102160005	Trần Văn Điệp	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
17	CDT12021865102160003	Bàn Phúc Hưởng	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
18	CDT12021865102160002	Chu Văn Tuyền	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
19	CDT12021965102160029	Đặng Văn Long	K15CĐ-Ô tô	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
20	CDT12021965102160002	Triệu Quang Thành	K15CĐ-Ô tô	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
21	CDT12021965102160021	Triệu Thanh Huy	K15CĐ-Ô tô	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
22	CDT12021964802010007	Vương Quốc An	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
23	CDT12021964802010006	Vương Thanh Bình	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
24	CDT12021964802010008	Hoàng Minh Quang	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
25	CDT12021964802010018	Hoàng Thị Oanh	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
26	CDT12021964802010016	Lý Thị Thu Thủy	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
27	CDT12021856401010001	Hoàng Hùng Vân	K42TC-TY	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
28	CDT12021862202110010	Nông Thị Anh	K14CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
29	CDT12021862202110002	Lưu Thị Huế	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
30	CDT12021862202110008	Bàn Thị Khe	K14CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
31	CDT12021862202110007	Đàng Thùy Linh	K14CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
32	CDT12021862202110004	Hoàng Thị Phấn	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
33	CDT12021862202110009	Nông Hồng Quế	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
34	CDT12021962202110008	Vi Thị Thùy Dung	K15CĐ-Tiếng Hàn	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
35	CDT12021962202110012	Hoàng Văn Thường	K15CĐ-Tiếng Hàn	CHNGHEODT	5	894.000	4.470.000	
36	CDT12021953404240004	Chu Đức Mạnh	K43TC-QLBHST	CNGHEODT	5	894.000	4.470.000	

Danh sách ấn định: 36 HSSV

Tổng số tiền

160.920.000

(bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

NGƯỜI LẬP

Ths. Trần Minh Trường

Nguyễn Lê Thanh